TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH CỬU** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh P**

Bản án số: 32/2023/HNGĐ-ST
Ngày 25/5/2023
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa pH tòa: Ông Nguyễn Đức Đại.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Anh
2. Bà Vũ Thị Hảo.

- Thư ký pH tòa: Ông Lê Đình Vạn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tham gia pH tòa: Bà Thái Thị Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 565/2022/TLST-HNGĐ ngày 05/12/2022, về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn pH tòa số 59/2023/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị H, sinh năm 1984;

Nơi cư trú: Số 5, thị trấn T, huyện H, tỉnh N.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Bá K, sinh năm 1975;

Nơi cư trú: Tổ 7, khu phố 2, thị trấn V, huyện V, tỉnh Đ.

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết nguyên đơn bà Trần Thị H trình bày:*

Bà và ông K tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn V, huyện V, tỉnh Đ cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 2003. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh P một thời gian thì phát sinh mâu thuẩn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, suy nghĩ của hai vợ chồng ngày càng khác biệt nên tình cảm vợ chồng dạn nứt dẫn đến thường xuyên cãi vả lẫn nhau. Hai vợ chông đã tìm cách

giải quyết nhưng không có kết quả, hiện nay bà và ông K đã sống ly thân với nhau từ năm 2020 cho tới nay. Bà H xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: Bà và ông K có 01 con chung Nguyễn Bá Hoàng P, sinh ngày 31/10/2004. Con chung đã thành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung của vợ chồng: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Bị đơn ông Nguyễn Bá K đã được Toà án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án làm việc và cung cấp lời khai.*

** Ý kiến của Kiểm sát viên:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định Bộ luật tố Tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, nguyên đơn chấp hành đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố Tụng dân sự. Bị đơn không đến Tòa án làm việc gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án.

- Về việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông K trong quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H.

Về con chung: Bà H và ông K có 01 con chung là Nguyễn Bá Hoàng P, sinh ngày 31/10/2004. Con chung đã thành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

- Các đương sự được quyền kháng cáo theo luật định

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi ngH cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại pH tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền, thủ tục tố tụng:

Bị đơn ông K cư trú tại thị trấn V, huyện V, tỉnh Đ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ

án vắng mặt các đương sự theo khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân:

Nguyên đơn và bị đơn tự nguyện đăng ký kết hôn có giấy chứng nhận kết hôn năm 2003. Căn cứ Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống giữa vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, bà H khởi kiện ly hôn nên Tòa án áp dụng Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 và Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa bà H và ông K, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, không quan tâm, chăm lo cuộc sống gia đình, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Hai vợ chồng đã tìm cách hòa giải, khắc phục mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp, kết quả xác minh cho thấy tình trạng hôn nhân giữa bà H và ông K có nhiều mâu thuẫn, hôn nhân của bà H và ông K đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt, sau khi cãi nhau với ông K thì bà H đã chuyển về huyện H, tỉnh N để sinh sống từ năm 2021 cho tới nay, bà H và ông K đang sống ly thân với nhau.

Quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành hòa giải theo quy định nhưng ông K vắng mặt, không tham gia pH hòa giải đoàn tụ và không tham gia tố tụng tại pH tòa, chứng tỏ ông K không quan tâm đến quan hệ hôn nhân của mình.

Từ những nhận định trên, đủ cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa bà H và ông K là có thật, đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn có sự quan tâm, chăm sóc nhau, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà H, bà H được ly hôn với ông K.

Về con chung: Bà H và ông K có 01 con chung Nguyễn Bá Hoàng P, sinh ngày 31/10/2004. Con chung đã thành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Bà H khai không có, nên không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Nguyên đơn bà Trần Thị H khởi kiện về ly hôn nên phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Đề nghị của Kiểm sát viên phù hợp nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 203, Điều 220, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân dân sự;

- Điều 9, Điều 19, Điều 51, Điều 53, Điều 54, Điều 56, Điều 57 và Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000;

- Điều 39 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

- Về hôn nhân: Bà Trần Thị H được ly hôn đối với ông Nguyễn Bá K.

- Về con chung: có 01 con chung là Nguyễn Bá Hoàng P, sinh ngày 31/10/2004 đã thành niên và có khả năng lao động nên không đặt ra xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: Nguyên đơn bà Trần Thị H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004743 ngày 01 tháng 12 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

Bản án được thi hành theo quy định tại các Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 9 và Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

3. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo Bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo luật định.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- UBND thị trấn Vĩnh An, huyện Vĩnh Cửu;
- VKSND huyện Vĩnh Cửu;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Cửu;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, lưu trữ cơ quan.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PH TÒA

Nguyễn Đức Đại